

**TỔNG CÔNG TY MÁY ĐỘNG LỰC VÀ
MÁY NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - CTCP**

Số: 657 /VEAM-BPMS-TCNS

V/v mời chào giá gói mua sắm “Bảo hiểm sức khỏe tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: Các Nhà cung cấp

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) trân trọng kính mời các Nhà cung cấp quan tâm, tham gia vào chào giá gói mua sắm “Bảo hiểm sức khỏe tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM” với nội dung sau:

1. Tên gói mua sắm: “Bảo hiểm sức khoẻ tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM”.
2. Số lượng người mua Bảo hiểm: dự kiến khoảng 141 người
3. Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng
4. Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng
5. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

(Nội dung chi tiết theo Hồ sơ mời chào giá kèm theo Văn bản này).

Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP thông báo và mong muốn được hợp tác cùng các Nhà cung cấp chuyên nghiệp./.

(Lưu ý: Không hoàn trả hồ sơ đối với trường hợp không được lựa chọn).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng Giám đốc (để b/c);
- Đăng Website VEAM;
- Đăng báo đầu thầu điện tử;
- Lưu: VT, BPMS, TCNS.

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHỤ TRÁCH BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ
PHÓ TRƯỞNG BAN**





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 657/VEAM-BPMS-TCKT ngày 28 tháng 8 năm 2025)

Tên gói mua sắm: Bảo hiểm sức khỏe tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM

Ngày phát hành HSMCG: 28 / 8 /2025

Bên mời chào giá: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2025

Chương I. YÊU CẦU CHUNG

I. Tóm tắt thông tin gói mua sắm

1. Tên bên mời chào giá: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM).

2. Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá gói mua sắm “Bảo hiểm sức khoẻ tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM” với một số nội dung sau:

- Tên gói mua sắm: “Bảo hiểm sức khoẻ tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM”.

- Số lượng người mua bảo hiểm: dự kiến khoảng 141 người (Chia thành 05 chương trình).

- Giá gói mua sắm: 882.944.150 đồng (Đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác).

(Bằng chữ: Tám trăm tám mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn, một trăm năm mươi đồng)

- Thời hạn bảo hiểm: 12 tháng

- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 12 tháng

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

II. Chỉ dẫn việc chuẩn bị và nộp Hồ sơ chào giá (HSCG)

2.1. Tư cách hợp lệ của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ để tham gia nộp Hồ sơ chào giá (HSCG) này khi đáp ứng được các điều kiện sau đây:

- Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước cấp;

- Hạch toán tài chính độc lập với VEAM;

- Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

- Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với VEAM;

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

2.2. Thành phần HSCG

HSCG do Nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm các nội dung sau:

- Đơn chào giá theo Mẫu 01, Chương III;

- Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu 02, Chương III;

- Các tài liệu khác theo yêu cầu của HSMCG.

2.3. Thời gian hiệu lực của HSCG: Thời gian hiệu lực của HSCG là 45 ngày (kể từ thời điểm hết hạn nộp hồ sơ chào giá).

2.4. Nộp, tiếp nhận, mở và đánh giá HSCG

a) Nhà cung cấp nộp trực tiếp HSCG (được niêm phong) về địa chỉ:

- Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.
Địa chỉ: Toà nhà VEAM, ngõ 689 Lạc Long Quân, phường Tây Hồ, Hà Nội.

- Thời hạn nộp HSCG: Trước 14 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 9 năm 2025
Người tiếp nhận HSCG: Bà Lê Thị Thu Hiền, Chuyên viên Ban TCNS (Phòng 403), điện thoại: 024.62800802, máy lẻ: 402.

- Số lượng HSCG phải nộp: 01 bản gốc và 02 bản chụp.

Lưu ý: Nhà cung cấp không nộp đủ số lượng và thành phần HSCG trên, HSCG của Nhà cung cấp sẽ bị loại. Đề nghị cung cấp Giấy giới thiệu của đơn vị và CCCD của người nộp hồ sơ chào giá.

b) Mở HSCG: VEAM sẽ tiến hành mở HSCG vào 14 giờ 30 phút ngày 08 tháng 9 năm 2025 để ghi nhận các nội dung: Tên Nhà cung cấp, giá chào, thành phần hồ sơ, số lượng hồ sơ, thời gian hiệu lực của đơn chào giá. Nhà cung cấp tham gia nộp HSCG có thể cử cán bộ tham gia mở HSCG.

c) Bên mời chào giá đánh giá HSCG theo yêu cầu Hồ sơ mời chào giá (HSMCG). Trong quá trình đánh giá, bên mời chào giá có thể mời Nhà cung cấp đến làm rõ HSCG; Nhà cung cấp sau khi đáp ứng các yêu cầu trong HSMCG sẽ được xếp hạng theo giá chào (giá chào thấp nhất được xếp hạng cao nhất); Nhà cung cấp được mời đến thương thảo hợp đồng theo thứ tự xếp hạng.

2.5. Điều kiện xét lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị lựa chọn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Có HSCG đáp ứng tất cả các yêu cầu trong HSMCG.
- Có giá chào (sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, giảm giá và sau khi tính ưu đãi nếu có) thấp nhất và không vượt giá gói mua sắm được duyệt.

III. Phạm vi công việc và tiêu chí lựa chọn Nhà cung cấp

Chi tiết Phạm vi, quyền lợi bảo hiểm và tiêu chí lựa chọn Nhà cung cấp nêu tại Chương II của bản HSMCG này.

IV. Yêu cầu về giá chào

- Nhà cung cấp nộp Đơn chào giá và Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu 01, Mẫu 02 Chương III, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là đã phân bổ giá của mục này vào mục khác của gói mua sắm, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSMCG với đúng giá đã chào.

- Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn giá chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí (chưa tính giảm giá) để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu HSMCG, kể cả thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì báo giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

- Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì đề xuất riêng trong thư giảm giá hoặc có thể ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSCG.

V. Nội dung khác

1. Kết quả lựa chọn sẽ được gửi đến tất cả các Nhà cung cấp tham gia chào giá theo đường bưu điện.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp, trong vòng 05 ngày làm việc nhưng trước ngày ký hợp đồng, Nhà cung cấp không được lựa chọn có thể văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn, Bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho Nhà cung cấp.

ST
NG
Đ
N
VI
VH

Chương II. PHẠM VI CÔNG VIỆC VÀ TIÊU CHÍ LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

I. Phạm vi công việc

Nhà cung cấp phải chào đủ 100% phạm vi công việc và đáp ứng hoặc đáp ứng cao hơn quyền lợi bảo hiểm được nêu tại bảng sau:

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
	Phạm vi Địa lý bảo hiểm	Toàn cầu	Châu Á	Đông Nam Á	Việt Nam	Việt Nam
	Đơn vị	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
	Số lượng (có thể thay đổi theo thực tế khi triển khai Hợp đồng)	02 người	09 người	14 người	30 người	86 người
	Thời gian bảo hiểm	12 tháng				
I	Bảo hiểm sinh mạng Bảo hiểm cho trường hợp NĐBH chết, tàn tật toàn bộ vĩnh viễn do mọi nguyên nhân (không bao gồm nguyên nhân tai nạn)	1.500.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000	800.000.000	500.000.000
II	Chết, thương tật vĩnh viễn do tai nạn	1.500.000.000	1.200.000.000	1.000.000.000	800.000.000	500.000.000
1	Tử vong, thương tật toàn bộ vĩnh viễn	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH	100% STBH
2	Thương tật bộ phận vĩnh viễn	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH	Trả theo tỷ lệ phần trăm tỷ lệ thương tật với STBH
III	Chi phí y tế do tai nạn (Theo chỉ phí thực tế, hợp lý, không vượt quá STBH)	1.000.000.000	900.000.000	850.000.000	550.000.000	300.000.000
IV	Bảo hiểm sức khỏe					
1	Điều trị nội trú do ốm đau, bệnh tật, thai sản	1.200.000.000	960.000.000	870.000.000	390.000.000	252.000.000
1.1	Nằm viện do ốm bệnh, sinh thường, sinh mổ, biến	Chi phí thực tế, tối	Chi phí thực tế, tối đa	Chi phí thực tế, tối	Chi phí thực tế, tối đa	Chi phí thực tế, tối đa

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
	chứng thái sản, tối đa 60 ngày/năm (chi phí y tế cần thiết và hợp lý cung cấp bởi bệnh viện trong quá trình nằm viện), bao gồm nhưng không giới hạn: - Tiền giường điều trị tại phòng đơn tiêu chuẩn, suất ăn tiêu chuẩn tại bệnh viện - Chi phí phòng chăm sóc đặc biệt - Chi phí hành chính, chi phí máu, huyết tương - Thuốc sử dụng trong khi nằm viện - Vật lý trị liệu (nếu những chi phí này là cần thiết trong quá trình nằm viện theo chỉ định của bác sĩ) - Tiêm truyền tĩnh mạch - Xét nghiệm hoặc chẩn đoán hình ảnh như X-Quang, MRI, CT, PET (các chi phí xét nghiệm này phải do bác sĩ chỉ định và phải là một phần của chi phí điều trị nằm viện) - Vật tư y tế, vật tư tiêu hao	đến 20.000.000/ngày và không quá 400.000.000/năm	16.000.000/ngày và không quá 320.000.000/năm	đến 14.500.000/ngày và không quá 290.000.000/năm	6.500.000/ngày và không quá 130.000.000/năm	4.200.000/ngày và không quá 84.000.000/năm
1.2	Chi phí phẫu thuật do ốm bệnh, sinh mổ, biến chứng thai sản (chi phí cần thiết và hợp lý liên quan đến một ca phẫu thuật nội trú, phẫu thuật trong ngày hoặc phẫu thuật ngoại trú), bao gồm nhưng không giới hạn: - Chi phí phòng mổ - Phẫu thuật viên - Chi phí gây mê - Các dụng cụ, thiết bị phẫu thuật - Thuốc dùng trong phẫu thuật - Vật tư tiêu hao - Chi phí hồi sức sau khi mổ - Chi phí cấy ghép nội tạng (không bao gồm chi phí	Chi phí thực tế, tối đa 400.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 320.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 290.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 130.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 84.000.000/ năm
1.3	Dịch vụ xe cứu thương (không bao gồm đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA): dịch vụ cứu thương của địa phương với mục đích vận chuyển khẩn cấp Người được bảo hiểm tới cơ sở y tế gần nhất có khả năng cung cấp dịch vụ y tế thích hợp, loại trừ đường hàng không và dịch vụ cứu trợ IPA. Trong trường hợp không có dịch vụ cứu thương của địa phương, Người được bảo	Chi phí thực tế, tối đa 400.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 320.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 290.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 130.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 84.000.000/ năm

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM			
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4
	hiểm có thể dùng taxi với giới hạn trách nhiệm tới 200.000 VND/vụ. Hoá đơn taxi phải được cung cấp với thông tin liên quan)				
1.4	Trợ cấp nằm viện (Tối đa 60 ngày/năm)	400.000/ngày	320.000/ngày	290.000/ngày	130.000/ngày
1.5	Chi phí trước khi nhập viện theo chỉ định của bác sĩ (trong vòng 30 ngày trước khi nhập viện)	Chi phí thực tế, tối đa 20.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 16.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 14.500.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 6.500.000/ năm
1.6	Chi phí điều trị sau khi xuất viện (trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất viện)	Chi phí thực tế, tối đa 20.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 16.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 14.500.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 6.500.000/ năm
1.7	Chi phí y tá chăm sóc tại nhà (theo chỉ định của bác sĩ - tối đa 30 ngày/năm kể từ ngày xuất viện)	Chi phí thực tế, tối đa 20.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 16.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 14.500.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 6.500.000/ năm
1.8	Phục hồi chức năng	Chi phí thực tế, tối đa 40.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 32.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 29.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 13.000.000/ năm
1.9	Chi phí dưỡng nhi	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm	600.000/năm
1.10	Trợ cấp mai táng	5.000.000/vụ	4.000.000/vụ	3.000.000/vụ	2.000.000/vụ
1.11	Quyền lợi thai sản, bao gồm: a. Sinh thường b. Điều trị biến chứng thai sản c. Sinh mổ	Chi phí thực tế, tối đa 400.000.000/ năm: Chi trả Theo giới hạn phụ từ 1.1 đến 1.7	Chi phí thực tế, tối đa 320.000.000/ năm: Chi trả Theo giới hạn phụ từ 1.1 đến 1.7	Chi phí thực tế, tối đa 290.000.000/ năm: Chi trả Theo giới hạn phụ từ 1.1 đến 1.7	Chi phí thực tế, tối đa 130.000.000/ năm: Chi trả Theo giới hạn phụ từ 1.1 đến 1.7
1.12	Điều trị cấp cứu (bao gồm điều trị nội trú, trong ngày hoặc ngoại trú)	Chi phí thực tế, tối đa 400.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 320.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 290.000.000/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 130.000.000/ năm

TT	QUYỀN LỢI BẢO HIỂM	SỐ TIỀN BẢO HIỂM (STBH)/NGƯỜI/NĂM				
		Chương trình 1	Chương trình 2	Chương trình 3	Chương trình 4	Chương trình 5
2	Điều trị ngoại trú (do ốm đau, bệnh tật bao gồm chăm sóc răng cơ bản)	30.000.000	30.000.000	25.000.000	20.000.000	15.000.000
2.1	- Chi phí khám bệnh, - Tiền thuốc theo kê đơn của bác sĩ, - Chi phí xét nghiệm, chuẩn đoán hình ảnh trong việc điều trị bệnh thuộc phạm vi bảo hiểm - Trị liệu học bức xạ, nhiệt, liệu pháp ánh sáng do bác sĩ chỉ định Không giới hạn số lần khám/ năm	Chi phí thực tế, tối đa 9.000.000/lần khám, không vượt quá 30.000.000/năm	Chi phí thực tế, tối đa 9.000.000/lần khám, không vượt quá 30.000.000/năm	Chi phí thực tế, tối đa 7.500.000/lần khám, không vượt quá 25.000.000/năm	Chi phí thực tế, tối đa 6.000.000/lần khám, không vượt quá 20.000.000/năm	Chi phí thực tế, tối đa 4.500.000/lần khám, không vượt quá 15.000.000/năm
2.2	- Điều trị bằng các phương pháp vật lý trị liệu do bác sĩ chỉ định	3.000.000/năm	3.000.000/năm	2.500.000/năm	2.000.000/năm	1.500.000/năm
2.3	Điều trị răng cơ bản/năm - Khám và chẩn đoán - Chụp X-Quang - Viêm lợi (nướu) - Trám, hàn răng bằng chất liệu thông thường (amalgam hoặc composite hoặc các chất liệu khác tương đương) - Điều trị tủy răng - Nhổ răng bệnh lý (có hoặc không kèm theo phẫu thuật) - Lấy cao răng (02 lần/năm)	9.000.000/năm	9.000.000/năm	7.500.000/ năm	6.000.000/ năm	4.500.000/ năm
2.4	Khám thay định kỳ	3.000.000/năm	3.000.000/năm	2.500.000/năm	2.000.000/năm	1.500.000/năm
V	Trợ cấp lương trong thời gian nghỉ điều trị do tai nạn	Tối đa 456.250.000/năm	Tối đa 365.000.000/năm	Tối đa 328.500.000/năm	Tối đa 219.000.000/năm	Tối đa 146.000.000/năm
5.1	Trợ cấp lương/ngày trong thời gian nghỉ điều trị do tai nạn (tối đa 365 ngày/năm)	1.250.000/ngày	1.000.000/ngày	900.000/ngày	600.000/ngày	400.000/ngày
5.2	Số ngày trợ cấp	Tối đa 365 ngày/năm	Tối đa 365 ngày/năm	Tối đa 365 ngày/năm	Tối đa 365 ngày/năm	Tối đa 365 ngày/năm

II. Tiêu chí lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải đáp ứng được tất cả các tiêu chí sau:

TT	Tiêu chí và Nội dung đánh giá		Ghi chú
1	Năng lực	- Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe, có Giấy phép thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. - Có Văn phòng Chi nhánh/Văn phòng đại diện tại các thành phố trực thuộc Trung ương. - Chấp nhận chi trả các chi phí phát sinh về dịch vụ y tế (có hóa đơn, chứng từ, ...hợp lệ) tại tất cả các phòng khám, bệnh viện.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có ngành nghề trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe do cơ quan có thẩm quyền cấp
2	Kinh nghiệm	Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ Bảo hiểm sức khỏe.	Số năm kinh nghiệm được xác định trên cơ sở giấy chứng nhận ĐKKD hợp lệ
		Có kinh nghiệm trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm sức khỏe với đơn vị có số lượng người tham gia bảo hiểm/hoặc giá trị hợp đồng bảo hiểm tương đương với gói dịch vụ này trở lên.	Chứng minh bằng tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị bảo hiểm/số người tham gia bảo hiểm tương tự
3	Các tiêu chí khác	- Miễn thời gian chờ đối với trường hợp ốm đau, bệnh tật thông thường; điều trị bệnh đặc biệt, bệnh có sẵn. - Nâng, hạ quyền lợi bảo hiểm khi có sự thay đổi tương ứng về chức danh, chức vụ mới. - Có dịch vụ tư vấn, hỗ trợ khách hàng 24/7	Có bản cam kết đáp ứng các tiêu chí

Chương III. BIỂU MẪU

1. Mẫu số 01: Đơn chào giá.
2. Mẫu số 02: Bảng tổng hợp giá chào.

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày:[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói mua sắm: “Bảo hiểm sức khỏe tại Văn phòng Công ty mẹ VEAM”

Kính gửi: Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào mà chúng tôi nhận được, chúng tôi,[đơn vị chào giá] cam kết thực hiện Gói mua sắm trên với tổng số tiền là..... đã bao gồm thuế, phí, lệ phí và các chi phí liên quan khác [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng tổng hợp giá chào kèm theo.

Chúng tôi cam kết:

1. Thông tin, tài liệu chúng tôi cung cấp trong Hồ sơ chào giá (HSCG) là chính xác và hoàn toàn đúng sự thật, chúng tôi chịu mọi trách nhiệm về nội dung đã cung cấp.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với VEAM; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện hợp đồng theo đúng quy định.

HSCG này có hiệu lực trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày tháng năm 2025.

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO

Stt	Nội dung	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Chương trình 1			(A)
2	Chương trình 2...			(B)
3				
4	Cộng			$C = A + B$
5	Thuế GTGT			D
	Tổng cộng giá chào (Kết chuyển sang đơn chào giá)			C + D

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
 [Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]